

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG**

(Construction Management)

Mã số: 9580302

(Ban hành kèm theo Quyết định số 951/QĐ-ĐHTL ngày 06 tháng 6 năm 2018)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản lý xây dựng tại Trường Đại học Thủy lợi nhằm đào tạo cán bộ chuyên sâu về quản lý trong xây dựng kết hợp nhuần nhuyễn với kiến thức chuyên môn sâu về kỹ thuật xây và có bản lĩnh chính trị vững vàng. Người có năng lực quản lý xây dựng trình độ cao sẽ có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ trong quá trình hành nghề xây dựng như: có khả năng nhận biết, ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng, có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học, có khả năng làm việc độc lập cũng như hoạt động trong nhóm; có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề kỹ thuật và quản lý phát sinh trong xây dựng. Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh sẽ được tiếp cận với phương pháp nghiên cứu lý thuyết và thí nghiệm xây dựng hiện đại, các tài liệu liên quan để hoàn thành nội dung và mục tiêu đề tài đăng ký.

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận công tác ở các cơ sở đào tạo, cơ quan nghiên cứu, các đơn vị sản xuất, chỉ đạo thi công, quản lý dự án xây dựng, giám định chất lượng công trình.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ hiện hành.

3. ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC TUYỂN SINH

3.1. Đối tượng tuyển sinh:

- **Ngành đúng bao gồm:** Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật công trình, Ngành Quản lý xây dựng thuộc Trường Đại học Thủy lợi.

- **Ngành phù hợp bao gồm:** Khối kỹ thuật và Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Khối kinh tế và Quản lý xây dựng thuộc các trường kỹ thuật, khoa học tự nhiên có bảng điểm phù hợp và có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% của khối kiến thức ngành.

- **Ngành gần bao gồm:** Các ngành thuộc khối kỹ thuật, công nghệ có bảng điểm phù hợp ở các trường đại học khác và các trường khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% của khối kiến thức ngành.

(Các trường hợp ngành/chuyên ngành gần khác ngoài danh mục này sẽ được Khoa xem xét và quyết định).

3.2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

4. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung, chuyển đổi là các học phần giúp nghiên cứu sinh (NCS) có đủ kiến thức và đạt được trình độ chuyên môn cơ bản để thực hiện nhiệm vụ của NCS.

a. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng, phù hợp với ngành đăng ký: Không phải học học phần bổ sung.

b. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành gần với ngành đăng ký: Phải học tối thiểu **08 tín chỉ**.

Bảng 1: Danh mục các môn học bổ sung cho NCS

TT	Mã môn học		Tên môn học – Tiếng Việt	Tên môn học – Tiếng Anh	Số TC	Bộ môn
1	CMQE	601	Quản lý chất lượng xây dựng	Quality Management Engineering	2	CN&QLXD
2	CMAM	602	Quản lý dự án xây dựng nâng cao	Advanced Construction Project Management	2	CN&QLXD
3	CMRC	603	Quản lý rủi ro trong xây dựng	Risk Management in Construction	2	CN&QLXD
4	CMAM	604	Tổ chức và quản lý xây dựng nâng cao	Advanced Construction plan and management	2	CN&QLXD
5	CMEA	605	Quản trị kỹ thuật	Engineering Administration	2	CN&QLXD
6	CMPE	606	Đấu thầu và hợp đồng trong xây dựng	Procurement and tendering in Civil Engineering	2	CN&QLXD
7	CMMT	607	Quản lý công nghệ xây dựng	Management of Technology	2	CN&QLXD
8	CMAS	608	Công nghệ xây dựng công trình bê tông nâng cao	Advanced Construction Technology of Concrete Structures	2	CN&QLXD
Tổng					16	

Ngoài các học phần bổ sung, chuyển đổi đã quy định ở trên, NCS có thể phải hoàn thành thêm các học phần bổ sung theo quy định của Khoa, trên cơ sở đối chiếu CTĐT thạc sĩ hoặc ĐH của NCS.

Các học phần bổ sung, chuyển đổi này có thể được Khoa xem xét học, miễn trên cơ sở các môn học đã hoàn thành trong CTĐT trình độ thạc sĩ.

c. Đối với NCS có bằng đại học ngành/chuyên ngành gần với ngành đăng ký: Phải học đủ số tín chỉ theo chương trình đào tạo thạc sĩ ngành/chuyên ngành tương ứng (trừ phần luận văn thạc sĩ).

4.2. Các học phần tiến sĩ: 08 tín chỉ

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

Danh mục các môn học: NCS chọn 08 TC trong số các môn học (có tham khảo ý kiến của Người hướng dẫn khoa học) sau:

Bảng 2: Danh mục các môn học phần Tiến sĩ

TT	Mã số môn học		Tên môn học - Tiếng Việt	Tên môn học - Tiếng Anh	Tín chỉ	Bộ môn
	Phần chữ	Phần số				
1	CMQR	609	Quản lý chất lượng công trình đất	Quality engineering management of construction earth and rock	2	CN&QLXD
2	CMQC	610	Quản lý chất lượng công trình bê tông	Quality engineering management of construction concrete	2	CN&QLXD
3	CMCT	611	Quản lý xây dựng theo lý thuyết độ tin cậy	Construction management according to reliability theory	2	CN&QLXD
4	CMCM	612	Quản lý kinh doanh xây dựng	Construction business management	2	CN&QLXD
5	CMAM	613	Phân tích, thống kê trong quản lý xây dựng	Analysis and statistical applications in construction management	2	CN&QLXD
6	CMPC	614	Quản lý và nâng cao năng suất xây dựng	Productivity management and improvement in construction	2	CN&QLXD

TT	Mã số môn học		Tên môn học- Tiếng Việt	Tên môn học - Tiếng Anh	Tín chỉ	Bộ môn
	Phần chữ	Phần số				
7	CMSD	615	Xây dựng và Phát triển bền vững	Sustainable construction and development	2	CN&QLXD
8	CMBM	616	Mô hình hóa thông tin xây dựng	Building Information Modeling (BIM, GA, VDC, ANN, FS, ...)	2	CN&QLXD
9	CMTS	617	Kỹ năng lãnh đạo nhóm	Team leadership skills	2	CN&QLXD
10	CMHM	618	Quản lý nguồn lực trong xây dựng	Human Resources Management	2	CN&QLXD
11	CMSC	619	Quản lý an toàn và môi trường trong xây dựng	Safety and Environmental management in construction	2	CN&QLXD
12	CMFC	620	Dự báo và ứng phó rủi ro trong xây dựng	Forecasting and response to risks in construction	2	CN&QLXD

4.3. Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ: 08 tín chỉ

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

4.4. Bài báo khoa học: 04 tín chỉ

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

TT	Tên tạp chí khoa học chuyên ngành	Thuộc cơ quan, tổ chức, hội,...	ISSN
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế	Trong nước và quốc tế	SCI, SCIE, ISI, Scopus
2	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia và quốc tế đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phần biên khoa học	Các trường, Viện, hội nghị	Có chỉ số ISBN
3	Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và môi trường	Trường Đại học Thủy lợi	1859-3941
4	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển	Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam	1859-3097
5	Tạp chí các khoa học về trái đất Vietnam Journal of Earth Sciences,	Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam	0866 - 7187

TT	Tên tạp chí khoa học chuyên ngành	Thuộc cơ quan, tổ chức, hội,...	ISSN
6	Nông nghiệp và PTNT	Bộ Nông nghiệp và PTNT	0866-7020
7	Khoa học và Công nghệ Thủy lợi	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	1859-4255
8	Tạp chí kinh tế xây dựng	Viện kinh tế bộ xây dựng	1859-4921
9	Tạp chí tài nguyên nước	Hội thủy lợi Việt nam	1859-3771
10	Người xây dựng	Tổng hội xây dựng Việt nam	0866-8531
11	Và một số tạp chí khác trong danh mục xét học hàm GS-PGS ngành Thủy lợi, Xây dựng – Kiến trúc và liên ngành Khoa học Trái đất – Mỏ		

4.5. Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

Tổng số tín chỉ: 90 TC đối với ngành đúng, phù hợp; 98 TC đối với ngành gần và 127 TC đối với NCS có bằng đại học.

5. CÁC GIẢNG VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO (Giảng dạy, hướng dẫn LATS)

STT	Họ và tên	Học hàm, Học vị	Đơn vị công tác	Hướng nghiên cứu
1	Nguyễn Hữu Huế	PGS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý chất lượng xây dựng công trình - Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Quản lý kế hoạch, tiến độ trong xây dựng - Quản lý an toàn lao động và môi trường trong xây dựng - Quản lý định
2	Nguyễn Trọng Tư	PGS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	
3	Nguyễn Quang Cường	PGS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	
4	Dương Đức Tiến	PGS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	
5	Vũ Thanh Te	GS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	
6	Lê Văn Hùng	PGS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	
7	Đông Kim Hạnh	PGS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	
8	Nguyễn Trọng Hoan	PGS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	

9	Ngô Thị Thanh Vân	PGS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	<p>mức, chi phí đầu tư xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tổ chức và kỹ thuật thi công xây dựng - Rủi ro trong xây dựng - Phát triển bền vững và kinh doanh xây dựng - Chứng nhận an toàn chịu lực và phù hợp về chất lượng công trình xây dựng - Quản lý thiết kế, khảo sát, thẩm định công trình
10	Nguyễn Bá Uân	PGS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	
11	Đỗ Văn Lượng	PGS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	
12	Lê Xuân Roanh	PGS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	
13	Trần Văn Toàn	TS	Trường Đại học Thủy lợi	
14	My Duy Thành	TS	Trường Đại học Thủy lợi	
15	Đình Thế Mạnh	TS	Trường Đại học Thủy lợi	
16	Thân Văn Văn	TS	Trường Đại học Thủy lợi	
17	Đình Tuấn Hải	PGS,TS	Trường Đại học kiến trúc	
18	Lê Kim Truyền	GS,TS	Trường Đại học Thủy lợi	
19	Nguyễn Thanh Bằng	PGS,TS	Viện khoa học thủy lợi Việt Nam	